

Số: 06/2024/QĐST-VDS

Quỳnh Phụ, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn
trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Duyên

- **Thư ký phiên họp:** Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 07/2023/TLST-VDS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2024/QĐST-VDS ngày 24 tháng 9 năm 2024 và quyết định hoãn phiên họp số 04/2024/QĐST-VDS ngày 27 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Phạm Thị M, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

+ Chị Trần Thị T1, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện V, Thành phố Hải Phòng.

(Tại phiên họp có mặt bà M và chị T1; vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai và tại phiên họp bà Phạm Thị M trình bày: Bà và ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau từ trước năm 1987. Bà và ông G1 sinh được 02 con chung là Trần Văn T sinh ngày 05/8/1988 và Trần Thị T1 sinh ngày 07/7/1990. Anh T kết hôn với chị Đặng Thị Kim T2 sinh năm 2001 sinh sống tại địa phương, chị Trần Thị T1 kết hôn với anh Nguyễn Văn N sinh năm 1990, sinh

sống tại Hải Phòng. Anh T phát triển bình thường về thể chất nhưng về tâm thần anh T có biểu hiện gần giống như ông G1, chỉ học đến lớp hai thì nghỉ học, đi học hay gây gỗ đánh nhau, cũng có lần anh T đánh bà, anh T không trình bày được quan điểm, làm việc phải có sự hướng dẫn của người khác. Còn chị T1 phát triển bình thường.

Ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) có bố mẹ nuôi là cụ Trần Ngọc T3 sinh năm 1933, chết năm 2008 và cụ Hà Thị Đ sinh năm 1936 chết năm 2004. Do cụ T3 và Đ không có con chung nên đã xin ông G1 về làm con và coi ông G1 như con đẻ của mình, ông G1 đã mang họ của cụ T3. Bà không biết bố mẹ đẻ của ông G1 là ai, ở đâu.

Quá trình chung sống với ông G1 đến năm 1993 thì ông G1 phát bệnh tâm thần có các biểu hiện: nói lảm nhảm, cười nói vô cớ, mất ngủ, đập phá tài sản, bỏ nhà đi lang thang, đánh đập vợ con... Bệnh ngày càng trầm trọng hơn. Nhiều lần ông G1 bỏ nhà đi, thời gian bỏ nhà đi dài nhất là 15 ngày, gia đình phải đi tìm về.

Năm 2008, khi làm thủ tục để hưởng trợ cấp xã hội thì gia đình cho ông G1 đi khám bệnh và điều trị ngoại trú tại Bệnh viện tâm thần Thái Bình, do hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, không ai hỗ trợ nên không có điều kiện đưa ông G1 đi khám, chữa bệnh điều trị thêm lần nào nữa. Ông G1 được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ năm 2008 đến nay, mức hưởng hiện nay là 540.000đ/tháng (*Năm trăm bốn mươi nghìn đồng một tháng*).

Quá trình giải quyết việc dân sự bà đề nghị Tòa án tuyên bố ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên họp bà đề nghị tuyên bố ông G1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Đồng thời bà đề nghị Tòa án chỉ định bà là người giám hộ cho ông G1 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T1 trình bày: Chị là con đẻ của ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) và bà Phạm Thị M. Anh Trần Văn T là anh trai chị. Chị nhất trí với trình bày của bà M, chị nhất trí đề nghị Tòa án chỉ định bà M là người giám hộ cho ông G1 theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn Q, UBND xã Đ và chị Đặng Thị Kim T2 xác định: Ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) và bà Phạm Thị M là vợ chồng chung sống với nhau trước năm 1987. Ông bà có 02 con chung là Trần Văn T và Trần Thị T1. Cụ Trần Ngọc T3 và cụ Hà Thị Đ (đều đã chết) xin ông G1 về nuôi từ nhỏ, coi ông G1 như con đẻ nên ông G1 mang họ của cụ T3. Không ai biết bố mẹ đẻ của ông G1 là ai, ở đâu. Từ năm 1993 ông G1 đã phát bệnh tâm thần, hiện đang được hưởng bảo trợ xã hội 540.000 đồng/tháng. Anh T có vợ là chị Đặng

Thị Kim T2, anh T nhận thức kém, không trình bày được quan điểm, làm việc phải có sự hướng dẫn.

Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 302/KLGD ngày 24/9/2024 của V kết luận “*Tại thời điểm giám định đối tượng Trần Ngọc G (Trần Văn G1) bị bệnh Chậm phát triển vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*”.

Tại phiên họp: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trình bày ý kiến xác định: Quá trình giải quyết việc dân sự của Tòa án đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết đề nghị Tòa án: Áp dụng khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 46, Điều 48, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Bộ luật Dân sự ; Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị M về việc tuyên bố ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà M được miễn lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị M yêu cầu tuyên bố ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; ông G1 hiện đang cư trú tại thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình do vậy Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết yêu cầu là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Thị M và ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) tự nguyện chung sống với nhau từ trước năm 1987 là hôn nhân thực tế nên bà M và ông G1 là vợ chồng. Do đó, bà M có quyền yêu cầu tuyên bố ông G1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là phù hợp với quy định tại Điều 376 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Phạm Thị M về việc tuyên bố ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Căn cứ vào Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 302/KLGD ngày 24/9/2024 của V kết luận “*Tại thời điểm giám định đối tượng Trần Ngọc G (Trần Văn G1) bị bệnh Chậm phát triển vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần*

thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71. Đối tượng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà Phạm Thị M về việc tuyên ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1) có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, chỉ định bà Phạm Thị M là người giám hộ cho ông G1 là phù hợp với quy định tại Điều 23, Điều 46, Điều 48, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị M là người cao tuổi và có đơn xin miễn lệ phí giải quyết việc dân sự nên miễn tiền lệ phí theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí giám định: Bà Phạm Thị M nhận chịu toàn bộ chi phí giám định, bà M đã nộp đủ số tiền này.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 22, Điều 46, Điều 48, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Bộ luật dân sự 2015; Luật phí và lệ phí; Điều 12; Điều 14; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị M về việc “*Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*”.

Tuyên bố ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1), sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Chỉ định bà Phạm Thị M sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình – vợ ông G1, là người giám hộ cho ông Trần Ngọc G (Trần Văn G1).

Quyền và nghĩa vụ của người giám hộ đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được thực hiện tại các Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Bộ luật Dân sự.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn lệ phí giải quyết việc dân sự cho bà Phạm Thị M.

4. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị M có mặt tại phiên họp quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T1 vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân

sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đồng Tiến;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Phạm Thị Duyên

